

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2023

V/v: *Tranh chấp ly hôn và
nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Khanh và Dương Ngọc Hoàng

-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Cao Thị H** sinh năm 1996.

HKTT: **Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi ở hiện nay: **Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**.

2. *Bị đơn:* Anh **Trương Công H1** sinh năm 1994

Trú tại: **Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** – Tổng giám đốc **Ngân hàng C**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quang V** – Giám đốc phòng giao dịch **ngân hàng chính sách xã hội huyện C**. Theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của **Ngân hàng C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2022 và bản tự khai nguyên đơn chị **Cao Thị H** trình bày: Chị và anh **Trương Công H1** tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **Huỳnh ham c**, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị khuyên ngăn thì vợ chồng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn đã trầm trọng, sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **H1**.

Bị đơn anh **Trương Công H1**: Anh và chị **H** tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C**. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Nay chị **H** làm đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Trương Kiều B**, sinh ngày 05/8/2015. Hiện nay cháu **Kiều B** đang ở với chị **H**, chị có nguyện vọng được nuôi con. Anh **H1** đồng ý và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **H** 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chị **H** và anh **H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị **H** và anh Huỳnh nợ của **Ngân hàng chính sách xã hội huyện C** số tiền 30.000.000đ. Nay ly hôn chị và anh thống nhất chia đôi số nợ gốc và lãi để trả cho ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**. Người đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Quan V1** trình bày: Ngày 18/7/2019, chị **Cao Thị H** đại diện hộ gia đình vay **Ngân hàng chính sách xã hội huyện C** số tiền 30.000.000đ thuộc chương trình Hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Đến ngày 14/11/2023, chị **H** đã trả số tiền nợ gốc là 15.400.000đ và lãi đã thực hiện nộp đến 14/11/2023 là 8.471.744đ. Tính đến ngày 29/11/2023, chị **H** và anh **H1** còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 14.600.000đ và tiền lãi là 2.530.000đ. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị **H** và anh **H1** trả cho Ngân hàng số tiền trên và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 57, điều 58, điều 60 và điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 – Luật Hôn nhân và

gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27, điểm a khoản 6 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị **Cao Thị H** được ly hôn anh **Trương Công Huỳnh**.

Về con chung: Vợ chồng chị **H** và anh **H1** có 01 con chung **Trương Kiều B**, sinh ngày 05/8/2015. Giao cháu **Kiều B** cho cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Anh **H1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị **H** cho cháu **Kiều B** 1.500.000đ.

Về tài sản chung: Chị **H** và anh **H1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh **H1** phải có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng chính sách xã hội huyện C** tính đến ngày 29/11/2023 số tiền gốc 14.600.000đ, tiền lãi 2.530.000đ và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Về án phí: Chị **H** và anh **H1** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Cao Thị H** làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh **Trương Công Huỳnh** tại: **Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật TTDS.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị **H** và anh **H1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, C, Thanh Hóa** nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị **H** và anh **H1** phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh **Huỳnh ham c**, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị khuyên ngăn thì vợ chồng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn đã trầm trọng, sống ly thân từ tháng 02/2009 đến nay. Chị **H** xin ly hôn anh **H1** đồng ý.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị **H** là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51 và điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị H và anh H1 có 01 con chung Trương Kiều B, sinh ngày 05/8/2015. Chị H có nguyện vọng được nuôi con, và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng, anh H1 đồng ý. Cháu Kiều B cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do đó, giao cháu Kiều B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị H 1.500.000đ/tháng.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh H1 vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền gốc là 30.000.000đ. Chị và anh thống nhất chia đôi số nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/11/2023, chị H đã trả số tiền nợ gốc là 15.400.000đ và lãi đã thực hiện nộp đến 14/11/2023 là 8.471.744đ. Tính đến ngày 29/11/2023, chị H và anh H1 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 14.600.000đ và tiền lãi là 2.530.000đ. Do anh và chị đã thỏa thuận với nhau về việc trả nợ cho ngân hàng nên anh H1 phải có trách nhiệm trả số tiền gốc còn lại và tiền lãi như trên cho ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

[6] Về án phí: Chị H và anh H1 phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 56, điều 57, điều 58, điều 60, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228, điều 238 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a, điểm b khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 và điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Cao Thị H được ly hôn anh Trương Công Huỳnh .

2. Về con chung: Vợ chồng chị H và anh H1 có 01 con chung Trương Kiều B, sinh ngày 05/8/2015. Giao cháu Kiều B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị H 1.500.000đ/tháng đến khi con đủ tuổi thành niên, theo định kỳ hàng tháng, thời gian thi hành kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị H và anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh **H1** phải có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng chính sách xã hội huyện C** các khoản nợ tính đến ngày 29/11/2023, tổng số tiền gốc và lãi: 17.130.000đ (Trong đó tiền gốc 14.600.000đ và tiền lãi là 2.530.000đ).

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh **Trương Công H1** còn phải chịu lãi xuất theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận với ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

5. Về án phí: Chị **H** phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền 1.050.000đ tạm ứng án phí DSST đã nộp, trả lại cho chị **H** 750.000đ tiền tạm ứng án phí DSST theo biên lai thu số AA/2021/0010367, ngày 25/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Anh **H1** phải chịu 856.500đ án phí DSST và 300.000đ án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thủy.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thủy.
- UBND xã Cẩm Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết

